

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN D
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 09/2018/HS - ST
Ngày: 07 - 03 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN D - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Quang Cảnh**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Hiễn** - Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà **Kơ Ria Trâm** - Giáo viên trường THCS Ka Đơn, xã Ka Đơn, huyện Đơn

Thư ký phiên toà: bà **Lê Thị Kim Ngân**- Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn D tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn D tham gia phiên toà: Ông **Phạm Duy Lợi**- Kiểm sát viên.

Ngày 07/03/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2017/TLST - HS ngày 23/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/HSST – QĐ ngày 10/11/2017, đối với các bị cáo:

1. **Lý Văn Đ**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: ấp K Đ, ĐM,, huyện Ng, tỉnh Cà Mau; Học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: không; Con ông Lý Văn C, sinh năm 1971 và con bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1973, hiện cả hai ở ấp K Đ, ĐM,, huyện Ng, tỉnh Cà Mau; Chị em ruột: có 03 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án: Vào ngày 18/7/2014 Lý Văn Đ bị tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, Bình Dương xử phạt 01 năm 10 tháng tù. Đến ngày 16/02/2016 chấp hành xong hình phạt. Chưa được xóa án tích.

Nhân thân: - Tại bản án hình sự sơ thẩm số 201/2017/HSST ngày 23/10/2017, Tòa án nhân thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau xử phạt bị cáo Lý Văn Đ 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2017/HSST ngày 22/11/2017, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang xử phạt bị cáo Lý Văn Đ 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 01/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau xử phạt bị cáo Lý Văn Đ 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số 02/2018/QĐ - CA ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Cái Tàu.

2. **Lý Văn U**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: ấp K Đ, ĐM,, huyện Ng, tỉnh Cà Mau; Học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông Lý Văn Cường, sinh năm 1971 và con bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1973, hiện cả hai ở ấp K Đ, ĐM,, huyện Ng, tỉnh Cà Mau; Chị em ruột: có 03 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đơn D từ ngày 28/06/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Đình Quang T(Miu)**, Sinh ngày: 28/12/1999, tính đến ngày phạm tội bị cáo 17 tuổi 08 tháng 09 ngày; Hộ khẩu thường trú: TDP M, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng; Học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Đình Quân Th, sinh năm 1973 hiện ở TDP M, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng và con bà Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1979, hiện ở TP Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Anh em ruột: có 02 người, nhỏ sinh năm 2001, bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đơn D từ ngày 29/06/2017 đến ngày 31/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Quang T:*

Nguyễn Đình Quân Th, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: TDP M, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người bị hại:*

Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: thôn L 1, xã Lạc Xuân, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trần Thị H, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: thôn L, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: TDP M, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1978 ;

Địa chỉ: TDP L1, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Trần Minh Ng, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: TDP L 1, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

Lê Bảo Nh, sinh ngày: 19/3/2002;

Địa chỉ: TDP M, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- *Người đại diện theo pháp luật cho Lê Bảo Nh:*

Lê Minh C, sinh năm: 1954;

Địa chỉ: TDP M, thị trấn D, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 27/6/2017, Lý Văn U và Lý Văn Đ từ Thành Phố Hồ Chí Minh lên Đơn D để trộm cắp xe máy. Khoảng 03h sáng ngày 28 tháng 06 năm 2017, Đ và Ú đi bộ từ thị trấn D tới khu vực công ty TNHH Đại Bình Dương ở thôn L1 – xã X, cả hai trèo tường vào bên trong công ty. Lúc này Ú đứng đợi tại khu vực kho chứa chao, còn Đ đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi Đ đến khu vực nối giữa nhà kho với khu hành chính thì nhìn thấy 01

chiếc xe máy hiệu Honda, loại xe Lead, biển số 49F1-144.37 của bà Nguyễn Thị Tr dụng ở đây nên dùng van phá khóa mang theo người ra mở ổ khóa điện nhưng do công công ty đã khóa nên Đ và Ú không lấy xe ra được nên bỏ đi. Sau đó, Đ đưa cho Ú chiếc vạm phá khóa để Ú cất giữ. Khi đang đi trên đường thì Đ và Ú gặp lực lượng tuần tra của Công an huyện Đơn D. Ú bị Công an huyện Đơn D bắt giữ cùng với chiếc vạm phá khóa mang theo người, còn Đ bỏ chạy trốn được. Đến ngày 01/07/2017 Đ bị bắt giữ vì có hành vi trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Ngọc Hiền – Cà Mau.

Chiếc xe này hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định có giá trị là: 27.950.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa còn xác định ngoài hành vi trộm cắp trên Lý Văn Đ cùng đồng phạm thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đơn D cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 12/04/2017, Lý Văn Đ rủ Nguyễn Đình Quang T và Lê Bảo Nh sinh ngày 19/03/2002 đi lấy trộm xe máy của người khác để bán lấy tiền tiêu xài thì được T và Nh đồng ý, cả 3 đi đến thôn L thì Nh đứng ngoài đường còn Đ và T đột nhập vào Công ty TNHH thực phẩm Đại Bình Dương, Đ dùng vạm phá khóa mang theo người mở ổ khóa điện lấy trộm 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha – Sirius, biển số 49F1-022.35 của bà Trần Thị H. Sau khi lấy được xe Đ cùng với Nh mang đi TP Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể được 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng), Đ đưa cho Nh 20.000đ.

Chiếc xe này hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định có giá trị là: 8.400.000đ.

Vụ thứ hai: Ngày 17 tháng 04 năm 2017, Lý Văn Đ tiếp tục rủ Nguyễn Đình Quang T đi lấy trộm tài sản. Khi Đ và T đi đến nhà ông Nguyễn Văn Th nhìn thấy trong sân nhà có dựng 02 chiếc xe máy nên Đ nói T treo hàng rào bên hông nhà vào xem thế nào. Sau đó Đ đi vòng ra sau nhà thì phát hiện có một cánh cửa tạm nên dùng tay thò vào mở chốt rồi đi vào đến vị trí chiếc xe. Lúc này Đ thấy trên chiếc xe EXCEL biển số 49N1- 4078, màu Đ nên mở khóa và cùng T dắt ra cửa phía sau. Sau khi lấy được xe Đ cùng T mang đi TP Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể được 1.500.000đ, Đ đưa cho T 30.000đ.

Chiếc xe này hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định có giá trị là: 2.125.000đ.

Vụ thứ 3: Vào đêm 20 rạng sáng ngày 21 tháng 04 năm 2017, Lý Văn Đ rủ em trai là Lý Văn U đi lấy trộm tài sản của người khác. Khi Đ và Ú đi đến nhà bà Nguyễn Thị Ch, nhìn thấy xe máy hiệu Honda, loại AirBlade, biển số 61E1-187.27 dựng trong sân nhà. Đ dùng 01 cây kim cộng lực dài 01m ở ngôi nhà đang xây dựng gần đó để cắt ổ khóa cổng rồi đi vào bên trong sân nhà bà Châu. Đ đi đến vị trí chiếc xe dùng vạm phá ổ khóa điện dắt xe ra bên ngoài đường rồi cùng Ú mang xe đi TP Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể được 8.500.000đ, Đ đưa cho Ú 500.000đ.

Chiếc xe này hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định có giá trị là: 20.700.000đ.

Như vậy: Lý Văn Đ đã 04 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đơn D có tổng giá trị là: 59.175.000đ.

Lý Văn U đã 02 lần trộm cắp tài sản cùng Lý Văn Đ có giá trị tài sản là: 48.650.000đ.

Nguyễn Đình Quang T đã 02 lần trộm cắp tài sản cùng Lý Văn Đ có giá trị tài sản là: 10.525.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Lý Văn Đ khai: từ tháng 4/2017 đến cuối tháng 6/2017 bị cáo cùng Lý Văn U từ thành phố Hồ Chí Minh lên Đơn D để trộm cắp xe máy. Bị cáo là người chủ mưu, rủ rê Lý Văn U, Nguyễn Đình Quang T, Lê Bảo Nh thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe máy. Bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe máy, tài sản bị cáo trộm cắp gồm: 01 xe máy hiệu yamaha sirius biển số 49F1 - 022.35, 01 xe máy hiệu Excel biển số 49N – 4078; 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 61E1 – 187.27; vào đêm ngày 28/6/2017 bị cáo cùng Lý Văn U đột nhập vào công ty xi dầu Bình Dương để trộm xe máy hiệu Honda Lead biển số 49F1 – 144.37, bị cáo dùng van phá khóa mang theo phá khóa điện của xe nhưng do công công ty khóa nên cả hai bị cáo không thể đưa xe ra ngoài, khi cả hai đang đi trên đường thì gặp lực lượng công an tuần tra, bị cáo bỏ chạy trốn còn Lý Văn U thì bị bắt giữ. Số tài sản bị cáo trộm cắp, bị cáo mang xuống thành phố Hồ Chí Minh bán được tổng số tiền 12.500.000đ. Bị cáo cho Nguyễn Đình Quang T số tiền 30.000đ, cho Lê Bảo Nh 20.000đ, cho Lý Văn U 500.000đ, số còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân. Bị cáo thống nhất tổng giá trị tài sản trộm cắp là 59.175.000đ.

Bị cáo Lý Văn U khai: Bị cáo cùng bị cáo Đ thực hiện vụ trộm cắp vào đêm 28/6/2017 tại công ty xi dầu Bình Dương và trộm cắp xe máy hiệu Honda Lead biển số 49F1 – 144.37 của bà Nguyễn Thị Ch. Tổng giá trị 02 xe máy bị cáo trộm cắp do hội đồng đã định là 48.650.000đ.

Bị cáo Nguyễn Đình Quang T khai: Bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp xe máy cùng bị cáo Đ tại công ty xi dầu Bình Dương và tại nhà ông Nguyễn Văn Th. Tổng tài sản bị cáo trộm cắp do hội đồng định giá đã xác định là 10.525.000đ.

Quá trình điều tra đối tượng liên quan đến vụ án Lê Bảo Nh cũng như người giám hộ cho Lê Bảo Nh là ông Lê Minh C thừa nhận hành vi trộm cắp của Lê Bảo Nh như các bị cáo đã khai. Tại phiên Lê Bảo Nh vắng mặt, ông Lê Minh C là người đại diện theo pháp luật cho Lê Bảo Nh có mặt trình bày và xuất trình lý do Lê Bảo Nh vắng mặt vì lý do sức khỏe, căn cứ vào Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Lê Bảo Nh và giành quyền kháng cáo vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa đều xác nhận lời khai của các bị cáo tại tòa là đúng. Cụ thể:

Bà Trần Thị H trình bày bà là chủ sở hữu xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 49F1 – 022.35. Vào khoảng 17 giờ ngày 11/4/2017, bà để xe tại công ty xi dầu Bình Dương đến 06 giờ sáng hôm sau thì phát hiện xe bị mất trộm. Bà yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà 8.000.000đ giá trị xe bị mất cắp.

Bà Nguyễn Thị Ch trình bày vào ngày 21/4/2017, bà bị mất 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 61E1 – 187.27 dựng trong sân nhà. Bà yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà số tiền 20.000.000đ giá trị xe bị mất cắp.

Ông Nguyễn Văn Th trình bày vào đêm ngày 17/4/2017, ông bị kẻ gian lấy cắp xe máy hiệu Excel màu Đ biển số 49N1 – 4087, đến nay ông chưa tìm lại được xe bị mất. Tại phiên tòa ông không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị xe bị mất cắp.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Tr trình bày xe mô tô Honda Lead của bà chỉ bị phá hỏng ổ khóa điện, bà đã được nhận lại xe nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 53/KSĐT ngày 19/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn D đã truy tố bị cáo Lý Văn Đ về tội “ *Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138; truy tố bị cáo Lý Văn U và Nguyễn Đình Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lý Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “ *Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138; hành vi của các bị cáo Lý Văn U và Nguyễn Đình Quang T đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm g, n Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 18, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo Lý Văn Đ từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 18, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo Lý Văn U từ 24 tháng đến 36 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 69, Điều 74, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Quang T 07 tháng 07 ngày tù bằng thời hạn tạm giam.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với 02 kìm cộng lực (01 kìm dài 01m, 01 kìm dài 40cm) và 01 thanh kim loại sắt dài 5.2cm, 01 đầu hình lục giác 0,8cm (vạm phá khoá). Đây là công cụ Đ cùng đồng bọn sử dụng để trộm cắp tài sản, xét thấy giá trị không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 50.000đ của gia đình Nhân và bị cáo T nộp lại đây là số tiền mà Lý Văn Đ cho Nhân và T khi bán xe trộm cắp vì vậy cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho bà số tiền 20.000.000đ; bà Trần Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000đ. Bị cáo Lý Văn Đ tự nguyện nhận bồi thường toàn bộ số tiền mà bà Ch và bà H yêu cầu, bị cáo không tranh chấp gì với bị cáo Lý Văn U, Nguyễn Đình Quang T và Lê Bảo Nhân. Bà H, bà Ch cũng đồng ý để bị cáo Lý Văn Đ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ. Xét sự thỏa thuận bồi thường này là tự nguyện, không trái đạo đức, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo Lý Văn Đ bồi thường cho bà Ch và bà H là phù hợp.

Ông Nguyễn Văn Th không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe bị mất cắp, vì vậy không xem xét đến.

Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Tr không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa bà vắng mặt nếu sau này có tranh chấp với các bị cáo sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về số tiền thu lợi bất chính: Cần buộc bị cáo Lý Văn U nộp lại 500.000đ tiền hưởng lợi từ việc thực hiện hành vi trộm cắp để sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 1.500.000đ bị cáo Lý Văn Đ trộm cắp xe nhãn hiệu Excel biển số 49N1 - 4078 của ông Nguyễn Văn Th bán được, do ông Thanh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị xe

bị mất cắp nên cũng cần buộc bị cáo Lý Văn Đ nộp lại số tiền 1.500.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến gì về mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Đơn D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời phù hợp với vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận bị cáo Lý Văn Đ đã có hành vi lén lút 04 lần trộm cắp tài sản của nhiều người, tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn là 59.175.000đ, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo Lý Văn U trộm cắp 02 lần, giá trị tài sản trộm cắp là 48.650.000đ, bị cáo Nguyễn Đình Quang Thực hiện 02 lần trộm cắp có giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.525.000đ, hành vi của các bị cáo U và T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn D truy tố bị cáo phạm tội là có căn cứ.

[2] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản của chủ sở hữu, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải có mức án xử lý thật nghiêm khắc đối với các bị cáo và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo thấy được tội lỗi của mình mà tu dưỡng làm công dân tốt về sau. Đó là tính chất chung của vụ án.

[3] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: Bị cáo Lý Văn Đ là người chủ mưu, rủ rê, xúi giục người chưa thành niên phạm tội, lại thuộc trường hợp tái phạm, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo lại bỏ trốn và tiếp tục thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tại đại bàn các tỉnh khác nên bị cáo phải chịu mức án cao nhất mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo. Bị cáo Lý Văn U là người thực hành tích cực qua 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp, tài sản trộm cắp có giá trị lớn nên cũng cần xử lý thật nghiêm minh đối với bị cáo đảm bảo đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đình Quang Cũng tích cực thực hiện 02 lần trộm cắp, tuy nhiên vào thời điểm bị cáo phạm tội là người chưa thành niên nên chỉ cần xử phạt bị cáo bằng thời gian tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo Lý Văn Đ chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Lý Văn U, Nguyễn Đình Quang T không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo Lý Văn U, Nguyễn Đình Quang T phạm tội nhiều lần nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lý Văn Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, lại xúi giục người chưa thành niên phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, n Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ:* Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đình Quang T đã tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Khi phạm tội bị cáo T là người chưa thành niên nên cũng cần áp dụng Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự về chính sách xử lý người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với đối tượng mua xe của Đ trộm cắp, hiện không xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra đã tách ra điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[8] Đối với Lê Bảo Nh khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên chưa phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp lần này nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Nhân là thỏa đáng nên không đề cập đến.

[9] *Về xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 49F1-144.37 hiện tài sản CQĐT đã trả cho chủ sở hữu nên không đề cập đến.

Tạm giữ: 02 kim cộng lực (01 kim dài 1m, 01 kim dài 40cm) và 01 thanh kim loại sắt dài 5.2cm, 01 đầu hình lục giác 0,8cm (vạm phá khoá). Đây là công cụ Đ cùng đồng bọn sử dụng để trộm cắp tài sản. Xét giá trị không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đôi dép cao su màu Đ của Lý Văn U cơ quan công an thu giữ tại hiện trường, đã trả lại cho bị cáo Lý Văn U nên không đề cập đến.

Đối với số tiền 50.000đ của gia đình Nhân và bị cáo T nộp lại đây là số tiền mà Lý Văn Đ cho Nhân và T khi bán xe trộm cắp. Tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn Đ tự nguyện đứng ra nhận chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền cho các bị hại và không tranh chấp gì; vì vậy số tiền 50.000đ này cần sung công quỹ nhà nước. Cần buộc bị cáo Lý Văn U nộp lại 500.000đ tiền hưởng lợi từ việc thực hiện hành vi trộm cắp. Đối với số tiền 1.500.000đ bị cáo Lý Văn Đ trộm cắp xe nhãn hiệu Excel biển số 49N1 - 4078 của ông Nguyễn Văn Th bán được, do ông Thanh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị xe bị mất cắp nên cũng cần buộc bị cáo Lý Văn Đ nộp lại số tiền 1.500.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại Lý Văn U dùng để liên lạc với Đ để đi trộm cắp tài sản hiện Ú đã làm mất không thu giữ được nên không đề cập đến.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:*

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho bà số tiền 20.000.000đ; bà Trần Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000đ. Bị cáo Lý Văn Đ tự nguyện nhận bồi thường toàn bộ số tiền mà bà Ch và bà H yêu cầu, bị cáo

không tranh chấp gì với bị cáo Lý Văn U, Nguyễn Đình Quang T và Lê Bảo Nhân. Bà H, bà Ch cũng đồng ý để bị cáo Lý Văn Đ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ. Xét sự thỏa thuận bồi thường này là tự nguyện, không trái đạo đức, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo Lý Văn Đ bồi thường cho bà Ch số tiền 20.000.000đ và bồi thường cho bà H số tiền 8.000.000đ là phù hợp.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Th không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe bị mất cắp, vì vậy không xem xét đến.

Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Tr không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa bà vắng mặt nếu sau này có tranh chấp với các bị cáo sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; riêng bị cáo Lý Văn Đ còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc bồi thường cho các bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Lý Văn Đ, Lý Văn U, Nguyễn Đình Quang** Tđã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm g, n Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 18, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Lý Văn Đ 03 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng tù tại Quyết định thi hành hình phạt tù số 02/2018/QĐ - CA ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau buộc bị cáo Lý Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2017.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 18, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Lý Văn U 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2017.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 69, Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Nguyễn Đình Quang T 07 tháng 07 ngày tù, bằng thời hạn tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

2. *Về vật chứng*: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

+ Tịch thu tiêu hủy 02 kim cộng lực (01 kim dài 1m, 01 kim dài 40cm) và 01 thanh kim loại sắt dài 5.2cm, 01 đầu hình lục giác 0,8cm (vạm phá khoá)

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 50.000đ.

+ Buộc bị cáo Lý Văn U nộp lại số tiền thu lợi bất chính 500.000đ để sung công quỹ nhà nước.

+ Buộc bị cáo Lý Văn Đ nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.500.000đ để sung công quỹ nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/10/2017 và biên lai thu tiền số AA/2010/00914 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn D).

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lý Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị H số tiền 8.000.000đ; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Chsố tiền 20.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo Lý Văn Đ phải bồi thường là 28.000.000đ.

4. *Về án phí:* Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Lý Văn Đ, Lý Văn U, Nguyễn Đình Quang Tmỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí sơ thẩm về hình sự. Buộc bị cáo Lý Văn Đ phải nộp 1.400.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn D;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đơn D;
- Chi cục THA dân sự Đơn Dương;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Cảnh

Nơi nhận:

- TAT.
- VKS.
- Bị cáo.
- Người bị hại, NLQ
- Sở tư pháp
- Lưu HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Ngọc Tiên
Trần Quang Cảnh

